TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/ 2023/ DS-ST
Ngày: 31.5.2022.
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Phú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn
Bà Đồng Thị Lý.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 15/2023/TLST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Phan Công X, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Xóm Trại Mắt, xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2.Ông Võ Văn T, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn T: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm Ngọc Liên, xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Xóm Đồng Luốc, xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/2/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/12/2020 âm lịch tức ngày 05/02/2021dương lịch vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T có đến nhà ông năn nỉ xin vay ông số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Theo thoả thuận ông T và bà U hẹn 01 tháng sẽ trả lại số tiền vay trên nên ông đã nhất trí cho bà U và ông T vay số tiền nêu trên. Nhưng mãi đến nay đã hơn hai năm mà vợ chồng bà U, ông T cố tình không trả số tiền đã vay cho ông.

Nay ông yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T phải trả cho ông số tiền nợ 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng và số tiền lãi suất trong thời gian hơn hai năm là 44.086.240 đồng. Tổng số tiền tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T phải trả cho tôi là 244.086.240(Hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi) đồng.

Việc bà U đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông T trình bày Vợ chồng bà vay tiền của tôi là vay cho bạn là chị Phan Thị H và có nại ra chuyện chị Hà đã trả lãi, trả gốc và nhận nợ thay cho vợ chồng bà U là không đúng. Ông X vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Ông chỉ biết cho vợ chồng bà U vay có giấy tờ đầy đủ thì đòi nợ vợ chồng bà U chứ ông không biết, không giao dịch cho vay với chị Hà như bà U đã khai nại với Toà án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T thống nhất trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Toà bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T đều thừa nhận vợ chồng bà có nợ ông Phan Công X số tiền 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng. Về lãi suất không ghi vào giấy vay (hợp đồng) mà chỉ thoả thuận miệng 6.000.000 đồng /1 tháng của số tiền vay 200.000.000 đồng. Quá trình vay từ đó đến nay vợ chồng bà không trả tiền gốc và tiền lãi là vì khi vay bà U có đưa chị Phan Thị H trú tại xóm Kim Liên, xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xuống nhà ông X để xin ông X cho chị Hà vay lại số tiền đó và ông X đã nhất trí. Tiếp đó chị Hà đã trả tiền lãi cho ông X và sau đó ông X có đòi tiền gốc 100.000.000 đồng (đòi ngày tháng năm nào bà không nhớ) chị Hà đưa tiền gốc xuống trả khi nào bà cũng không biết nữa nên đề nghị Toà án cho chị Hà xuống Toà làm chứng. Về tiền lãi ông X yêu cầu thì trả hay không thì chị Hà trả chứ bà không biết. Vợ chồng bà U không chấp nhận trả lãi cho ông X.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố mà chỉ có ý kiến đề nghị Toà án mời chị Phan Thị H trú tại xóm Kim Liên, xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xuống Toà án để làm chứng việc vay mượn tiền.

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần nội dung khởi kiện là không yêu cầu lãi suất đối với vợ chồng bà U.

Tại phiên tòa những người làm chứng có mặt trình bày:

Chị Phan Thị H cho rằng chị có vay nợ của vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T số tiền 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng là đúng và sự việc như bà U và ông T trình bày vợ chồng bà U có nợ ông Phan Công X số tiền 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng là có thật. Bản thân chị Hà có xin ông X để

chị đứng ra trả nợ thay cho bà U và ông T nhưng ông X không cho. Bà H còn thừa nhận bà có vay của ông X 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng và có trả lãi nhưng việc trả lãi cho ông X là không có giấy tờ gì chứng minh.

Anh Đàm Văn Tuấn tại đơn xin làm chứng có cam đoan và xác nhận của chính quyền địa phương và tại phiên tòa trình bày: Vào hồi 20 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2022 âm lịch. Anh đến nhà ông X chơi, sau đó ông X nhờ chở đi đến nhà bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T trú tại Xóm Ngọc Liên, xã Kim Thành để hỏi nợ số tiền 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng. Tại nhà bà U ông X có nói với bà U là vay tiền từ ngày 24/12/2020 âm lịch đến nay đã quá lâu nên phải trả cho ông X để về lo việc gia đình. Bà U có nói với ông X là "Tiền tôi cho người khác vay rồi không lấy được". Bà U nhờ ông X đi lấy giúp nhưng ông X nói "Bà cho ai vay thì chính bà là người đi lấy còn tôi chỉ biết cho ông bà vay thì ông bà là người trả lại số tiền đã vay cho tôi ".

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đang cư trú tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng ông đã có bản tự khai gửi cho Toà án và đã có văn bản uỷ quyền cho Vợ là đồng bị đơn nên việc vắng mặt của ông T không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và việc giải quyết vụ án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn.

Về thời hạn, thời hiệu:

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] *Về nội dung*:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 24/12/2020 âm lịch tức ngày 05/02/2021dương lịch nên giao dịch này thuộc trường hợp áp dụng các qui định tại Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản qui phạm pháp luật liên quan để giải quyết. Xét thấy thời gian vay nợ và việc vay nợ của nguyên đơn và bị đơn do các bên đã thừa

nhận có vay mượn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên về khoản tiền lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn cũng đã thừa nhận lãi suất không ghi vào giấy vay mà chỉ thoả thuận miệng 6.000.000 đồng /1 tháng và từ ngày vay đến nay bị đơn chưa trả là do chị Hà trả. Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng không muốn tranh chấp khoản lãi vay nữa mà xin rút yêu cầu trả khỏa tiền lãi vay. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Do đó căn cứ các điều 154, 429, 357, 463, 465, 466 và điều 469 Bộ luật dân sự và điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công X đối với bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Việc nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi là hợp lý và đúng pháp luật nên chấp nhận việc rút phần khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu lãi suất với số tiền 44.086.240 đồng.

Đối với việc làm chứng của anh T và chị Hà:

Tại phiên tòa cũng như tại tài liệu anh T cung cấp cho Tòa án anh T đều cam đoan trình bày đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung làm chứng. Hội đồng xét xử thấy nội dung vay nợ phía bị đơn đã thừa nhận không phải chứng minh nhưng lời trình bày của người làm chứng là bà U có vay của ông X để cho người khác vay nay không đòi được nên có nhờ ông X đi đòi giúp là có căn cứ và phù hợp với lời khai, trình bày của người làm chứng chị Phan Thị H.

Xét nội dung trình bày của bị đơn về việc bị đơn vay nợ cho bạn là chị Phan Thị H thấy:

Mặc dù bị đơn và người làm chứng có nội dung trình bày về việc vay hộ và nhờ vay của ông X, có trả lãi suất nhưng các bên đương sự không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh.

Hơn nữa tại phiên tòa Chị Phan Thị H cho rằng chị có vay nợ của vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T số tiền 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng là đúng. Bản thân chị Hà có xin ông X để chị đứng ra trả nợ thay cho bà U và ông T nhưng ông X không cho. Hơn nữa bản thân nguyên đơn xác nhận không có giao dịch vay nợ số tiền 200.000.000(Hai trăm triệu) đồng với chị Hà. Nguyên đơn không chấp nhận chuyển nghĩa vụ trả nợ của bà U và ông T cho chị Hà.

Vì vậy HĐXX thấy không có căn cứ xem xét nội dung đề nghị của bị đơn và người làm chứng Phan Thị H. Giao dịch vay tài sản giữa vợ chồng bị đơn và người làm chứng Phan Thị H nếu phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có đủ điều kiện thụ lý vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện nên

không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 Điều 39, điều 92, 184, khoản 2 điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, khoản 4, Điều 207, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 154, 357, 463, 465, 466, 429 và điều 469 Bộ luật Dân sự; Các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân & gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Công X đối với bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Công X số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

2. Đình chỉ khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi suất với số tiền 44.086.240 đồng.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T phải chịu 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Phan Công X số tiền 6.102.000(Sáu triệu một trăm linh hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000682 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Công X, bà Nguyễn Thị U và ông Võ Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Yên Thành;
- Chi cục THADS Yên Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Phú